

GHỊ NHẬN BƯỚC ĐẦU VỀ NGỮ ÂM TIẾNG TÀ MUN Ở TÂY NINH VÀ BÌNH PHƯỚC

Lê Khắc Cường¹ – Phan Trần Công²

Tóm tắt

Hiện nay, vấn đề tộc danh Tà Mun đang được giới khoa học quan tâm nghiên cứu sau khi công luận cho rằng không nên xếp nhóm Tà Mun vào tộc người Chrau hoặc Stiêng như đã làm trước đây, vì người Tà Mun có ngôn ngữ và văn hoá khác với hai tộc người nói trên. Bản thân bà con Tà Mun có ý thức rõ và luôn khẳng định mình là tộc người Tà Mun. Bài viết là kết quả của đợt điền dã ngôn ngữ học được tổ chức vào cuối tháng 3/2013 và tháng 7/2013 tại một số huyện thuộc tỉnh Tây Ninh và Bình Phước có đông đồng bào Tà Mun sinh sống. Nghiên cứu bước đầu này nhằm cung cấp thêm cứ liệu về mặt ngữ âm của tiếng Tà Mun, cũng như so sánh ngữ âm của tiếng Tà Mun ở Tây Ninh và Bình Phước với các ngôn ngữ thuộc nhóm Nam Bahnar.

Từ khoá: Tà Mun, ngữ âm, Nam Bahnar, Stiêng, Chrau, Tây Ninh, Bình Phước, tộc danh

1. Vấn đề tộc danh Tà Mun

Cuối năm 2012, hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh đã tổ chức hai cuộc hội thảo/toạ đàm về vấn đề tộc danh Tà Mun và đề nghị Quốc hội, Nhà nước xem xét, nếu đủ cơ sở thì công nhận người Tà Mun như một tộc người độc lập.

Ngày 4/10/2012, tỉnh Tây Ninh tổ chức hội thảo về việc xác định tộc danh Tà Mun. Nhiều ý kiến cho rằng Tà Mun và Stiêng là hai tộc người khác nhau. Một số khác lại xác định Tà Mun chỉ là một bộ phận của người Stiêng hoặc người Chrau tách ra mà thành. Tại cuộc hội thảo “*Nghiên cứu thành phần tên gọi người Tà Mun*” do Viện Dân tộc học tổ chức ngày 8/10/2012 tại Bình Phước, ông Điều Hơn, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước kiến nghị công nhận tộc người Tà Mun. Theo khảo sát của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, tại xã Tân

¹ PGS.TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

² Thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Hiệp, Đồng Nơ của huyện Hớn Quản, người dân phân biệt người Tà Mun với người Stiêng, Khmer.

Theo thống kê năm 2009, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có khoảng 1.680 người khai thành phần dân tộc là Tà Mun. Họ cư trú tập trung ở các huyện Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu và thị xã Tây Ninh. Tại tỉnh Bình Phước có 234 hộ, 1.143 người tự nhận là người Tà Mun sinh sống chủ yếu ở xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản (thống kê năm 2012). Tuy nhiên các con số này chưa thật chính xác. Do Tà Mun không có trong danh mục 54 dân tộc/tộc người tại Việt Nam nên tại các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, nhân viên thống kê địa phương thường “linh động” xem Tà Mun như là nhóm địa phương của một trong hai tộc người có quan hệ rất gần gũi về văn hoá, ngôn ngữ, địa bàn cư trú với họ là Stiêng và Chrau, và do đó những người này được xếp vào danh mục dân tộc Stiêng hoặc dân tộc Chrau³.

Theo bà con Tà Mun ở Tây Ninh thì người Tà Mun ở đây có gốc ở Sóc 5, Võ Tùng, Võ Dật (Long Thành, Đồng Nai). Đây là nơi ở từ xa xưa của người Chrau. Theo giấy chứng nhận sắc tộc do chính quyền Sài Gòn cấp, một số người Tà Mun ở ấp Sóc 5 có nguồn gốc từ

³ Trên thực tế, vẫn có một số chứng minh nhân dân của bà con ở các địa phương vẫn ghi tộc danh Tà Mun/Tà Mung (dẫn theo Nguyễn Trần Quý [4: 11])



Biên Hoà. Các già làng, bô lão ở Tây Ninh cho biết vào những năm 30 của thế kỷ XX, một bộ phận người Chrau bị chính quyền thực dân Pháp truy nã do chống lại chủ đồn điền cao su. Họ phải di cư đến sống với người Stiêng và Khmer ở Bình Long, thuộc tỉnh Bình Phước. Nhóm đó nay gọi là Tà Mun.

Một già làng ở xã Suối Đá, Tây Ninh bảo rằng người Tà Mun nói gì người Stiêng, người Khmer không hiểu được. Chỉ có những người Stiêng ở Sóc 5 mới hiểu mà thôi vì đây là nơi người Tà Mun ở Tây Ninh từng sinh sống vào đầu thế kỷ XX. Đó là những năm 1920, người Tà Mun trên đường đi đóng thuế cho Pháp ở cầu Quan (Tây Ninh) gặp lúc đói khát đã được ông Phạm Công Tắc - Giáo chủ đạo Cao Đài - cho ăn và cho tá túc qua đêm tại một lán trại trong cánh rừng Ninh Thạnh (nay là trung tâm của toà thánh Cao Đài). Được ông Phạm Công Tắc đối đãi tử tế, họ đã về Sóc 5 dắt díu gia đình đến Tây Ninh theo ông Tắc xây dựng toà thánh. Bà con được ông Tắc đặt cho họ Lâm. Từ một nhóm nhỏ ban đầu ấy, người Tà Mun từ Sóc 5 về Ninh Thạnh, Suối Đá, Tân Châu và nhiều nơi khác của Tây Ninh dựng nhà, lập làng, hình thành những xóm Tà Mun chen giữa làng người Stiêng, Khmer và Kinh⁴.

Tạp chí Ethnologue của tổ chức Summer Institute of Linguistics tập 17 (2013) xem Tà Mun là một phương ngữ (dialect) của tiếng Chrau. Theo đó, phương ngữ Chrau tại tỉnh Tây Ninh và huyện Bình Long (tỉnh Bình Phước) được gọi là “Tamun”⁵.

Để có thêm thông tin, trong những ngày cuối tháng 3/2013 và tháng 2/2014, Phòng Ngữ âm học Thực nghiệm thuộc Khoa Việt Nam học đã tổ chức điền dã tại xã Tân Thành, huyện Tân Châu, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu và xã An Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và ấp Sóc 5, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước để khảo sát ngôn ngữ và dân tộc Tà Mun. Dưới đây là những ghi nhận bước đầu về hệ thống ngữ âm tiếng Tà Mun tại các địa phương đã khảo sát.

⁴ Theo Nguyễn Viễn Sự. 2012. *Tìm về cội nguồn người Tà Mun*, báo Tuổi trẻ, 15/10/2012.

⁵ Population: 26,900 (2009 census). Location: Dong Nai and Ba Ria-Vung Tau provinces. **Tamun dialect: Tay Ninh and Binh Long provinces** (Theo www.ethnologue.com, Edition 17th, 2013).

2. Hệ thống ngữ âm tiếng Tà Mun

2.1. Nguồn gốc

Theo ghi nhận của chúng tôi, tiếng Tà Mun tại Tây Ninh và Bình Phước là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, âm tiết tính. Trừ một số ít từ được cấu tạo bằng phương thức phụ tố (tiền tố, trung tố) hiện không còn sức sản sinh thì về cơ bản tiếng Tà Mun là một ngôn ngữ không hình thái. Giống như nhiều ngôn ngữ ở Đông Nam Á, tiếng Tà Mun đang trong quá trình biến đổi ngữ âm theo xu hướng đơn tiết hoá một cách mạnh mẽ. Quá trình này khiến một số rất lớn từ ngữ âm đa tiết trở thành từ ngữ âm đơn tiết.

Căn cứ vốn từ vựng cơ bản và những đặc điểm về mặt ngữ pháp, có thể khẳng định tiếng Tà Mun là một ngôn ngữ thuộc họ Nam Á, chi Môn-Khmer, nhánh Đông Môn-Khmer, nhóm Bahnar, tiểu nhóm Bahnar Nam (bao gồm các ngôn ngữ Mnông, Koho, Chrau, Stiêng, Mạ)⁶. Do vậy ngôn ngữ này có hệ thống ngữ âm về cơ bản giống với các ngôn ngữ trong tiểu nhóm Bahnar Nam.

2.2. Cấu trúc âm tiết

Từ ngữ âm (phonological word) có hai dạng: từ đơn đơn tiết và từ đơn đa tiết, trong đó từ đơn đơn tiết là chủ yếu, chiếm tỷ lệ gần 80%. Thống kê 281 từ cơ bản của Morris Swadesh (Swadesh 281 list) của 5 ngôn ngữ gồm: Tà Mun (được ghi nhận tại tỉnh Tây Ninh và Bình Phước), Koho (phương ngữ Srêh, tỉnh Lâm Đồng), Mnông (phương ngữ Preh, tỉnh Đắk Lắk), Stiêng (phương ngữ Bu Lơ, tỉnh Bình Phước) và Chrau (phương ngữ Jro, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), chúng tôi có kết quả như sau:

Ngôn ngữ	Koho	Mnông	Stiêng	Chrau	Tà Mun
Số từ đa tiết/ 281 từ cơ bản	88/281	45/281	63/281	66/281	57/281
Tỷ lệ	31,43%	16,07%	22,50%	23,57%	20,28%

⁶ Theo cách phân nhóm của tạp chí Ethnologue, 17th Edition, 2013.

So sánh với cứ liệu phục nguyên ngôn ngữ Tiền Mnông (Proto Mnong) của Henry F. Blood⁷, chúng tôi nhận thấy các từ cơ bản trong tiếng Tà Mun, Koho, Mnông, Stiêng, Chrau với ngôn ngữ Tiền Mnông có sự giống nhau rất cao. Điều này cho thấy đây là những ngôn ngữ cùng ngữ hệ, và có quan hệ họ hàng hết sức gần gũi. Ví dụ:

Tiền Mnông	Koho	Mnông	Stiêng	Chrau	Tà Mun	Việt
*ngkɔ	kɔ	t kɔ	kɔ	kɔ	kɔ	cổ
*s mǎnh	s rmaɲ	mǎɲ	mǎɲ	s mǎɲ	p kaj	sao
*b kaw	b kǎw	kaw	kaw	kaw	b kaw	hoa
*k nrôk	k nrôk	ndrôk	go, nroq	burl	go	bò
*k n-haj	k n-haj	khǎj	khǎj	khǎj	khǎj	trắng
*r nd h	r nd h	nd h	r ḍh	r ḍh	g ḍh	xe
*m ɲwêl	b ɲul	ɲul	ɲul	b ɲul	jũl	say

Bảng trên cũng có thể thấy tiếng Tà Mun và các ngôn ngữ trong nhóm đang trong quá trình đơn tiết hoá (monosyllabized process) mạnh mẽ. Về quá trình này, khảo sát các ngôn ngữ trong nhóm cũng như so sánh phát âm của người Tà Mun thuộc những địa phương khác nhau, thuộc những thể hệ khác nhau (già-trẻ) tại Tây Ninh, dễ dàng nhận ra đây là một xu hướng tất yếu của nhiều ngôn ngữ. Chẳng hạn:

Tà Mun		Koho	Mnông	Stiêng	Chrau	Việt
Trên 20 tuổi	Dưới 20 tuổi					
/l /	/l /	/nha/	/nha/	/l ha/	/ɲkhla/	lá
/b kaw/	/kaw/	/b kaw/	/kaw/	/kaw/	/ɲkaw/	hoa
/khɔ /	/khɔ /	/b lho /	/l hu /	/l hu /	/l hu /	đu đu
/k nɔ /	/nɔ /	/t nɔ /	/s nɔ /	/nɔk/	/s nɔ /	lông
/pa/	/pa/	/par/	/mpar/	/mpar/	/par/	bay
/gwɔh/	/gwɔh/	/r was/	/r w h/	/r w h/	/r w h/	voi

⁷ Xem Henry F. Blood, *A Reconstruction of Proto – Mnong*, M.A. Thesis, Indiana Univ., SIL, 1974.

/gujh/	/gujh/	/r haj/	/r hwǎj/	/r hw j/	/r wǎj/	ruồi
/kɔ/	/kɔ/	/ k ɔ/	/t kɔ/	/kɔ/	/ k ɔ/	cỏ
/khak/	/khak/	/ khak/	/ hak/	/ r khak/	/khak/	khắc
/j /	/j /	/ h /	/ h /	/ h /	/ h /	khối
/kǎt/	/kǎt/	/mret//	/kǎt/	/kǎt/	/ kǎt/	lạnh
/mpǎl/	/pǎl/	/mpal/	/mpǎl/	/pǎl/	/l pǎl/	cối

Về cấu trúc, âm tiết tiếng Tà Mun tại Tây Ninh và Bình Phước có dạng POSCHWVF; trong đó:

- POS là tiền âm tiết (presyllable), gồm: P là một âm tắc, âm xát /s/ hoặc /h/, âm vang /l/ hoặc âm tắc /g⁸. Ở là một nguyên âm trung hoà, không đối lập về chất lượng và trường độ, thường là / / hoặc / /. S là một âm vị âm tiết tính (syllabic phoneme), thường là một trong số các âm vang /m/, /n/, / /, / /, /l/.

Tiền âm tiết có thể có dạng PỞ như:

/p kaj/ (sao); /b kaw/ (hoa); /k bok/ (mây); /s bek/ (da); /g pǎw/
 ∞ /k pǎw/ con trâu.

Dạng S như:

/mham/ (máu); /ntɛŋ/ (xương); / ci? (cỏ); /ŋkeʔ/ (cát).

Hoặc dạng PỞS như:

/k mbɔk (vỏ cây); /t mt h/ (ngực); /s mb t/ (váy cuốn); /k nnu p/
 (bờ sông); /kaŋk h/ (cắm).

- CHWVF là âm tiết chính (main syllable), với: C (consonant) có thể là bất kỳ phụ âm nào trong hệ thống phụ âm tiếng Tà Mun. H là một trong các phụ âm vang /h/, /l/, hoặc âm tắc /g⁹. W là /w/ hoặc /j/. V (vowel) là bất kỳ nguyên âm nào trong hệ thống nguyên âm tiếng Tà Mun; F (final consonant) là một phụ âm (trừ các phụ âm tắc hữu thanh và thanh hầu hoá), một bán nguyên âm, hoặc một tổ hợp gồm một phụ âm và một bán nguyên âm (/jh/, /j / hoặc /w /). Ví dụ:

⁸ Do /r/ > /g/ (xem thêm phần lý giải tại 2.3.1 và 2.3.2) nên ở vị trí P xuất hiện âm tắc /g/.

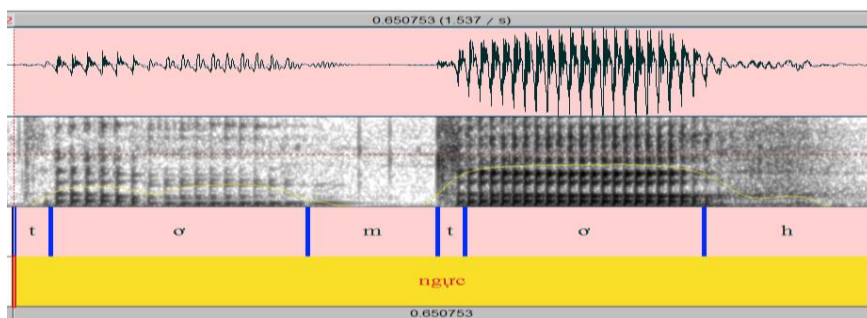
⁹ Như ⁵.

/pa/ (bay); /t̃ / (trúng); /c̃k/ (chuối); /ka/ (cá); /bắt/ ∞ /c bắt/ (bóp); /d̃k/ (sắt); /bɔk/ (trắng); /ndah/ (hỉ (mũi)); /jun/ (nai); /g m/ (cười); /k̃b̃ k/ (ổi); /²dun/ (nổi lên); /ju l/ (say); /gak/ (chửi); /sɔ / (thẳng); /hɔ̃ / (ói); /muh/ (mũi); /s na/ (ná); /ch̃ jh/ (đám hỏi); /p̃j̃?/ (nhỏ); /tr̃ w / (trời); /kjaw/ (bên trái); /phuj/ (bụi); ...

Trong các phụ âm đầu của âm tiết chính, phụ âm tắc, hữu thanh /d/ có tần số xuất hiện rất thấp so với các ngôn ngữ khác trong nhóm Nam Bahnar. Khá nhiều từ thuộc các ngôn ngữ trong nhóm có âm đầu là /d/ nhưng ở tiếng Tà Mun là /t/ hoặc / d/:

KoHo	Mnông	Stiêng	Chrau	Tà Mun	Việt
/da /	/dak/	/dak/	/da /	/tiã /	nước
/s duj/	/s duj/	/s duj/	/s duj/	/k tuj/	bọ cạp
/deh/	/deh/	/deh/	/deh/	/teh/	thấp
/duh/	/du /	/duh/	/du /	/tuh/	nóng
/di/	/di/	/di/	/di/	/ti/∞/ti p/	thẳng
/do/	/dok/	/dok/	/do /	/ do /	khí

Trong các âm tiết của từ ngữ âm đa tiết, âm tiết chính là âm tiết mang trọng âm. Trọng âm trong từ ngữ âm tiếng Tà Mun không có giá trị khu biệt nghĩa, chỉ có tác dụng phân biệt âm tiết chính/âm tiết phụ trong từ song tiết. Trọng âm luôn rơi vào âm tiết chính, do đó âm tiết này bền vững hơn so với tiền âm tiết. Điều này được thể hiện rõ trong hiện tượng đơn tiết hoá: âm tiết bị rơi rụng luôn là âm tiết yếu.



Hình 1: So sánh cường độ giữa tiền âm tiết và âm tiết chính trong từ /t m̃t h/ (ngực)

2.3. Hệ thống phụ âm

2.3.1. Phụ âm đầu của tiền âm tiết

Âm đầu của tiền âm tiết là một phụ âm với đầy đủ những đặc trưng âm học của âm thanh mở đầu âm tiết. Số lượng phụ âm đảm nhận chức năng âm đầu của tiền âm tiết ít hơn so với phụ âm đảm nhận chức năng âm đầu của âm tiết chính.

Nếu âm tiết đầu là một âm mũi và có hiện tượng đồng cấu âm hay đồng hoá (assimilate) với phụ âm đi sau thì âm mũi đó được phát âm như một phụ âm âm tiết tính (syllabic consonant) hay phụ âm tiền mũi hoá (prenasalized consonant). Chúng tôi cũng xem các phụ âm tiền mũi đó như một tiền âm tiết giống như trong các ngôn ngữ mà từ có cấu trúc theo kiểu cận âm tiết (sesquisyllabic) khác. Đây là cách phát âm phổ biến trong nhiều ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á. Ví dụ:

/mbuk/: [~b^huk] (bã trầu)

/nt^h/: [~t^h] (xương)

/pci/: [~ci] (cô)

/ kɔ/: [~k^hɔ] (cổ)

Dưới đây là 17 phụ âm có thể xuất hiện ở vị trí âm đầu của tiền âm tiết:

p	t	c	k	ʔ
b	d	ɟ	g	
s	h			
m	n	ɲ		
	l	j		

Sự thể hiện của các âm đầu của tiền âm tiết tiếng Tà Mun về cơ bản không có gì khác biệt so với các ngôn ngữ trong nhóm Nam Bahnar, trừ phụ âm /r/ được thể hiện như /g/ mà chúng tôi sẽ mô tả kỹ hơn tại mục 2.3.2 bên dưới. Do vậy, không có âm vị /r/ ở vị trí phụ âm đầu của tiền âm tiết tiếng Tà Mun.

2.3.2 Phụ âm đầu của âm tiết chính

Đảm nhận chức năng âm đầu của âm tiết chính trong tiếng Tà Mun có thể là một phụ âm đơn hoặc một tổ hợp phụ âm. Hầu hết là tổ hợp 2 phụ âm, tổ hợp 3 phụ âm hiện còn rất ít, chỉ còn trong phát âm của người lớn tuổi. Đây cũng là một dấu hiệu của xu hướng đơn tiết hoá.

Về nguyên tắc, tổ hợp phụ âm chỉ thể hiện rõ, gắn bó chặt chẽ (tạm gọi là tổ hợp phụ âm chặt) nếu phụ âm thứ hai (hoặc thứ ba trong tổ hợp 3 phụ âm) là một trong ba phụ âm /g/ (do hiện tượng /r/ > /g/ đã nêu), /l/ hoặc /h/. Ví dụ:

/tgɔ tg / (một loài cá nước ngọt thân mỏng, nhiều xương); /kl p klet/ (láng lầy, láng bóng); /plieh/ (chẽ); /plon/ (bấp (tay)); /jɬɔ / (cột (nhà)); /ch / (dây); /phɔ / (sợ); /ph / (gạo); mhɔh/ ∞ / hɔh (chưa); /chuh/ (bào); /kh w/ (xanh); /khlǎɲ/ (yêu); /khlom/ (thối); /khwǎt? (đuôi, mù).

Các trường hợp mà yếu tố thứ hai hay thứ ba không phải là hai phụ âm kể trên thì cách thể hiện không rõ là một tổ hợp phụ âm. Yếu tố thứ nhất sẽ được thể hiện như một tiền âm tiết với một nguyên âm nhược hoá. Ví dụ:

/k bok/ (đầu); /k b k/ (ổ); /k cew/ (dơi); /k yaw/ (xoáy tóc); /k mǎw/ (đá (sỏi)); /k mbɔk/ (vỏ cây); /k kɔɬ/ (xấu); /t hɔ / (ho); /p g / (muống); /p t t/ (búng (tay)); /s mb t/ (váy cuốn); /s ka/ (chìm sáo); /s t n/ (chưa); /s mun s mwan/ (xồm xoàm), ...

Hệ thống phụ âm đầu của âm tiết chính tiếng Tà Mun bao gồm 20 âm vị, được xác định như bảng dưới đây:

p	t	c	k	ʔ
ʔb	ʔd			
bd	j	g		
m	n	ɲ	ɲ	
w	l	j		
	s		h	

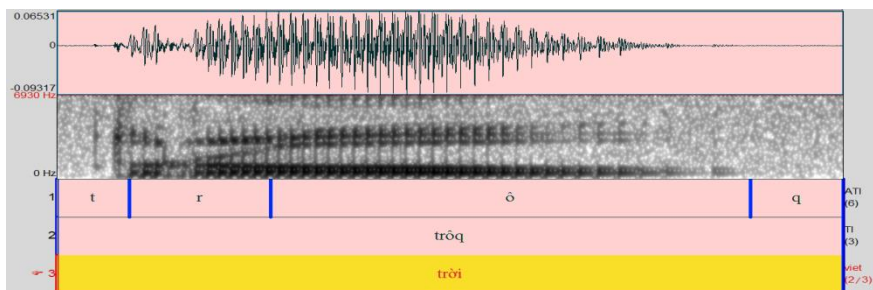
Hai dãy phụ âm tắc, hữu thanh /^hb, ^hd/ và /b, d, j, g/ khu biệt nhau ở chỗ /^hb, ^hd/ là các phụ âm tiền thanh hầu hoá. Các phụ âm hữu thanh /b, d, j, g/ được thể hiện như những nguyên âm hút vào, có âm vực thấp. Chính vì vậy, âm tiết nào mà trong thành phần có phụ âm thuộc nhóm này thì âm tiết đó cũng có âm vực thấp. Trong tiếng Tà Mun, chúng tôi không tìm thấy phụ âm ngạc /^hj/.

Như đã nói trên, phụ âm /r/ vốn là một âm rung được thể hiện khá mạnh, rõ trong nhiều ngôn ngữ của các dân tộc ít người tại Việt Nam. Tuy nhiên hầu như người Tà Mun tại Tây Ninh đều phát âm âm vị này như một phụ âm tắc, hữu thanh, lưỡi sau /g/, cả trong tiếng Việt lẫn tiếng Tà Mun. Chẳng hạn: rung rinh: [gu¹ gⁿ¹], /reh/ > [geh]. Không chỉ người Tà Mun mà nhiều bà con Khmer sống xen cư với người Tà Mun ở Tây Ninh cũng phát âm giống như vậy khi thể hiện âm này của tiếng Việt¹⁰. Theo chúng tôi, có lẽ người Khmer ở Tây Ninh, vốn trước đây sinh sống tại các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long nên bắt chước cách phát âm của người Việt ở khu vực này. Người Việt ở nhiều tỉnh thành tại Tây Nam Bộ phát âm phụ âm được viết bằng con chữ “r” trong chính tả tiếng Việt như là một phụ âm sát, hữu thanh, gốc lưỡi / / . Do trong hệ thống âm vị tiếng Khmer cũng như các ngôn ngữ Nam Bahnar không có phụ âm sát, gốc lưỡi, hữu thanh nên âm vị này được chuyển thành âm tắc tương ứng /g/. Ở Tây Ninh, người Tà Mun vốn có quan hệ rất chặt chẽ về nhiều mặt (xen/cộng cư, làm ăn, hôn nhân,...) với người Khmer nên đã học cách phát âm âm vị /r/ của người Khmer. Sự biến đổi này được thể hiện một cách đồng loạt trong các cá thể lẫn trong các âm tiết có /r/, bất chấp nó ở vị trí nào trong âm tiết: tiền âm tiết hay âm tiết chính, phụ âm đứng đầu hay đứng sau trong tổ hợp phụ âm. Ví dụ:

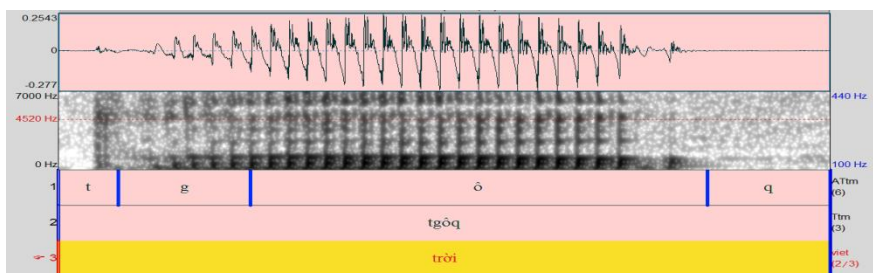
Tà Mun (Tây Ninh)	Nam Bahnar	Việt
/gaw/	/raw/	rửa
/geh/ ∞ /t geh/	/reh/	rễ
/p gǎk/	/prǎk/	bạc (vàng)
/b gi/	/bri/	rừng

¹⁰ Tuy nhiên, điều khác biệt giữa hai nhóm Khmer và Tà Mun ở Tây Ninh là người bản ngữ Khmer vẫn giữ cách phát âm /r/ khi nói tiếng Khmer.

Tiếng Kơho

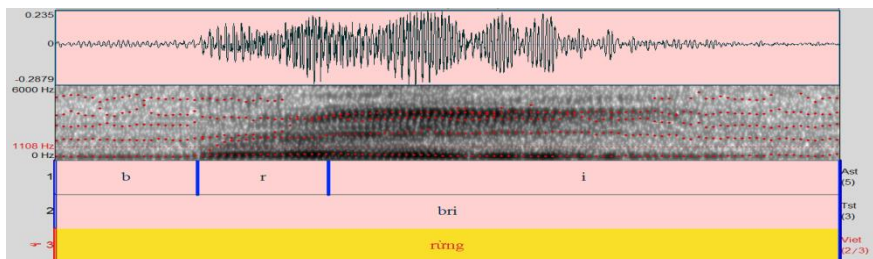


Tiếng Tà Mun

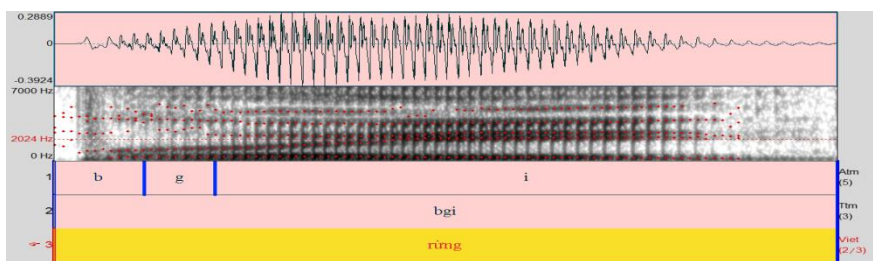


Hình 2: So sánh hai âm tiết /tro / (tiếng Kơho) và /t go / (tiếng Tà Mun)

Tiếng Stiêng



Tiếng Tà Mun



Hình 3: So sánh hai âm tiết /bri/ (tiếng Kơho) và /b gi/ (tiếng Tà Mun)

Lưu ý:

- Formant 2 thể hiện sự khác nhau của /r/ và /g/ ở điểm bắt đầu, /r/ có điểm xuất phát thấp rồi đi lên, còn /g/ thì bắt đầu cao hơn rồi đi ngang.
- Phần đầu của /r/ trong “trôq” (tiếng Lach) rung mạnh.
- /b/ trong /b gi/ (Tà Mun) thể hiện tính hữu thanh yếu hơn /b/ trong /bri/ (Stieng) vì voice bar thể hiện hoạt động của thanh hầu trước khi bật ra môi rất ngắn (trông như âm vô thanh).

Âm vị /r/ của tiếng Tà Mun tại tỉnh Bình Phước cũng thể hiện giống như thế:

Tà Mun (Bình Phước)	Chrau (Bà Rịa – Vũng Tàu)	Việt
/t go /	/tro /	trời
/t g /	/tr /	đường
/c gu /	/cru /	(con) sâu
/k g p/	/grăp/	hạt
/t g ẳm/	/trăm/	ngâm
/t g /	/tg /	tươi
/b go/	/bro/	mua
/t gu/	/dru/	lược
/p g h/	/prih/	cao
/ găm/	/krăm/	ấm
/b g /	/pra /	(lúa) thừa
/p găm/	/prăm/	(số) năm
/p gaw/	/praw/	(số) sáu
/k gu/	/gru/	thầy thuốc

Đặc biệt, khi âm vị /r/ đảm nhận chức năng âm cuối của âm tiết chính thì trong hầu hết các trường hợp, nó chuyển thành phụ âm zero hoặc bán nguyên âm /j/ hay /w/. Những biến đổi này có thể dẫn đến việc hình thành thanh điệu trong tiếng Tà Mun hay không thì cần phải có thêm dữ liệu mới có thể kết luận.

Tà Mun (Tây Ninh)	Nam Bahnar	Việt
/e/	/ier/, /iar/	gà
/uo/ ∞ /o/	/ur/	nữ, vợ
/n /	/nar/	ngày
/s k /	/ g r/, /s g r/, /g r/	trống (kèn)
/pj / ∞ /p /	/bar/	hai
/pɔ/	/pɔr/ (Chrau)	com
/hɔ/ ∞ /haw/	/hɔr/, /hɔc/	(nước) chảy
/paj/	/par/, /par/	bay
/taw/	/tor/	tai

2.3.3 Phụ âm cuối của âm tiết chính

Trừ các phụ âm tắc - hữu thanh, tắc - hữu thanh, tiền thanh hầu hoá, các phụ âm khác có thể xuất hiện ở vị trí âm cuối. Hệ thống âm cuối của âm tiết chính tiếng Tà Mun gồm có 13 âm vị như sau:

pt c k
m n ɲ ɲ
w l j h

Trong đó /w/ và /j/ là hai bán nguyên âm. Ví dụ:

/kbǎp/ (bùn); /k piet/ (lưỡi); /khac/ (gãi); /cik/ (đào (bới)); /hɔ / (ói); /b nu m/ (núi); /hǎn/ (đi); /mi / (miệng); /gu / (đẩy); /k pǎl/ (cối); /puh/ (tro); /tǎj/ (tay); /gaw/ (rửa).

Ngoài các âm vị đơn như trên, ở vị trí âm cuối của âm tiết chính còn có thể có các tổ hợp phụ âm bao gồm một bán nguyên âm và một phụ âm; đó là các tổ hợp: /w , j , jh/. Tổ hợp /wh/ hầu như không có dù trong nhiều công trình nghiên cứu các ngôn ngữ Nam Bahnar có nhắc đến¹¹. Trong tiếng Tà Mun, âm cuối sát, vô thanh của ngôn ngữ Tiên Bahnar (Proto Bahnar) /s/ hầu như biến mất, thay vào đó là tổ hợp /jh/: /t g w / ∞ /t go / (trời); /p j / (nhỏ); /rujh/ (ruôi);...

¹¹ Chẳng hạn Henry F. Blood (Tlđđ), David. D. Thomas, *Chrau Grammar*, trong *Oceanic Linguistics Special Publication No. 7*, Univ. of Hawaii Press, USA, 1971.

So với các ngôn ngữ khác trong nhóm Nam Bahnar, tiếng Tà Mun ở Tây Ninh và Bình Phước không có phụ âm cuối /-r/. Như đã nêu ở trên, các âm tiết trong các ngôn ngữ Nam Bahnar kết thúc bằng /-r/ thì trong tiếng Tà Mun được thể hiện bằng âm vị zéro hoặc bán nguyên âm /w/, /j/.

2.4. Hệ thống nguyên âm

Về cơ bản, nguyên âm của âm tiết chính trong tiếng Tà Mun giống với các ngôn ngữ Nam Bahnar, nghĩa là bao gồm 9 nguyên âm cơ bản kèm theo một nét siêu đoạn về trường độ. Ngoài các nguyên âm đơn, tiếng Tà Mun cũng đang hình thành các nguyên âm đôi.

Các nguyên âm đôi này xuất hiện khá nhanh và đang có chuyển biến mạnh mẽ trong cách phát âm. Những nguyên âm như /ie/, / /, /uo/ được các thể hệ người lớn tuổi thể hiện theo hướng *mạnh sau*, nghĩa là yếu tố thứ hai được nhấn mạnh hơn, còn yếu tố thứ nhất được phát âm lướt: /i e/, / /, /u o/. Tuy nhiên ở những người trẻ tuổi, các nguyên âm này ngày càng được thể hiện như các nguyên âm đôi trong tiếng Việt, nghĩa là *mạnh ở yếu tố đầu tiên*. Có thể đây là sự tác động của tiếng Việt.

Tóm lại, hệ thống nguyên âm tiếng Tà Mun gồm 16 âm vị sau đây:

/	/
ie	uo
e	o
a/ă	o

Ví dụ:

/mi/ (mưa); /mi / (miệng); /chiet/ (ít); /kreh/ (khi); /k n / (chuột);
/s k / ∞ /s k / (trống (kèn)); /kh p/ (hạt); /ch / (cây); /p j /
(nhỏ); /pkaw/ (hoa); /mă / (rộng); /muh/ (phát có); /muɕh/ (mũi);
/t guoj/ (trăm); /p bo / (mây); /cgɔt/ (gậy); ...

2.5. Ngôn điệu

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ nêu khái quát về âm vực và trọng âm. Vấn đề ngữ điệu cần phải khảo sát kỹ hơn do cấu trúc cú

pháp cũng như các kiểu câu trong tiếng Tà Mun còn chưa thật ổn định do các từ ngữ pháp đang trong quá trình hình thành.

2.5.1. Âm vực

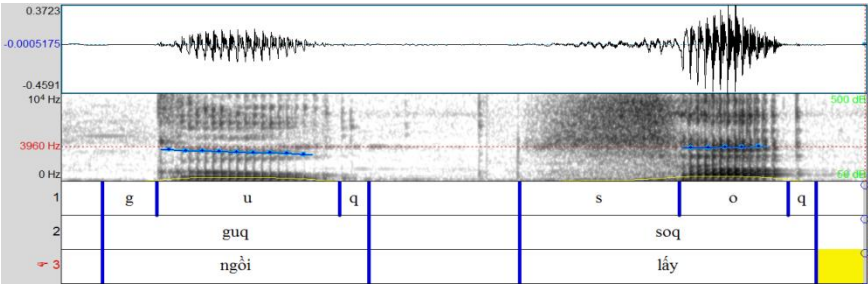
Như các ngôn ngữ khác trong nhóm Nam Bahnar, tiếng Tà Mun có hai âm vực: âm vực thấp và âm vực cao:

- Âm vực thấp xuất hiện trong các âm tiết có âm đầu (của tiền âm tiết hoặc âm tiết chính) là các phụ âm tắc – hữu thanh /b, d, j, g/. Ví dụ:

/k bok/ (mây); /b gi/ (rừng); /b kaw/ (hoa); /bi / (nằm, ngủ); /d / ∞ /d / (thế nào); /jun/ (nai); /go/ (bò); / g / (cái cây); / g / (cái cây);...

- Âm vực cao xuất hiện trong các trường hợp còn lại. Ví dụ:

/peh/ (giất); /t t/ (đến); /cuo / (dài); /chal/ (gió); /k m/ (cười); /s b k/ (da); / du / (dừa); /ju / (bụi); /mi / (miệng); /nt h/ (đất); / e / (chơi); / kăt/ (lạnh); /khăj/ (trắng); /gu / (ngồi); /hăn/ (đi); /l p/ (vào); /sɔ / (lấy);...



Hình 4: So sánh âm vực hai từ /gu / (ngồi) và /sɔ / (lấy) qua tần số cơ bản (F0)

2.5.2. Trọng âm

Trọng âm là biện pháp âm thanh làm nổi bật một đơn vị ngôn ngữ học so với các đơn vị ngôn ngữ học khác trong chuỗi lời nói. Trong tiếng Tà Mun, phương tiện để làm nổi bật trọng âm của một đơn vị là cường độ (trọng âm lực), và trường độ (trọng âm lượng). Trọng âm trong nội bộ từ đa tiết đã được nêu ở trên. Trọng âm từ còn thể hiện khá rõ trong các kiểu từ ghép, ngoài ra còn có trọng âm câu.

2.5.3. Trọng âm từ

Về nguyên tắc, trọng âm từ dùng để phân biệt từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ trong tiếng Tà Mun. Mô hình trọng âm của từ ghép đẳng lập là 1-1, ngược lại, trong từ ghép chính phụ, mô hình là 0-1. Ví dụ (âm tiết mang trọng âm được in đậm):

/m u/ (cha mẹ); /s -o s **klăw**/ (vợ chồng); /ml k **n h**/ (rau má); /ml t **kuon**/ (rau muống); /g t **g w** / (cóc); /g t **t p**/ (nhái).

Từ láy âm cũng có mô hình 1-1 như từ ghép đẳng lập. Ví dụ:

/ **du di** / (cây đùng đình); /**pi p** / (nhên nhện); /**ci cuo** / (nòng nọc).

2.5.4. Trọng âm câu (trọng âm cú đoạn)

Câu có thể có nhiều ngữ đoạn. Các ngữ đoạn này được các tiêu chí ngữ nghĩa phân lập trong chuỗi lời nói. Ngoài ngữ nghĩa, trong tiếng Tà Mun, trọng âm cũng là một tiêu chí giúp người nghe tri nhận ranh giới các ngữ đoạn. Trọng âm luôn rơi vào âm tiết cuối cùng của ngữ đoạn. Ví dụ:

/ch em tch **m** / (em bú vú mẹ)

/kăm a pa hɔ **tjă** / (mũi tên bay qua hồ nước)

3. Kết luận

Trên cơ sở những ngữ liệu thu thập được trong đợt điền dã tại Tây Ninh và Bình Phước, có thể có một số nhận định bước đầu như sau về tiếng Tà Mun:

(1) Tà Mun là một ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính, thuộc họ ngôn ngữ Nam Á, chi Môn-Khmer, nhánh Đông Môn-Khmer, nhóm Bahnar, tiểu nhóm Nam Bahnar (bao gồm các ngôn ngữ Mnông, Koho, Chrau, Stiêng, Mạ). Ngôn ngữ này có cấu trúc âm tiết theo dạng cận âm tiết với mô hình POSCHWVF; trong đó POS là tiền âm tiết, CHWVF là âm tiết chính mang trọng âm. Về đại thể, từ ngữ âm trong tiếng Tà Mun đa phần là từ đơn tiết. Số từ ngữ âm đa tiết chưa

đến 20%, trong đó từ 3 âm tiết dưới 1%. Đây là kết quả của quá trình đơn tiết hoá. So với các ngôn ngữ khác trong nhóm, tiếng Tà Mun đơn tiết hoá nhanh.

(2) Về hệ thống âm vị, không có sự khác biệt lớn giữa tiếng Tà Mun với các ngôn ngữ trong nhóm như Mnông, Koho, Stiêng, Chrau, Mạ. Ngoài hai phụ âm tiền thanh hầu hoá / b/ và / d/, chúng tôi không tìm thấy các phụ âm /m m, n n, l l/ mà Ralph Haupers và Henry Blood đã ghi nhận trong tiếng Stiêng (Ralph Haupers gọi đó là các phụ âm trải gián đoạn “interrupted continuant consonants”)¹²; hoặc /m m, n n/ như trong các phương ngữ Preh và Bunor của tiếng Mnông, / w, y/ trong tiếng Chrau theo ghi nhận của Henry F. Blood¹³. Phụ âm /r/ vốn là một phụ âm vang, rung đầu lưỡi, được thể hiện là /g/ trong tất cả các ngữ cảnh và đồng loạt trong các cá thể Tà Mun tại Tây Ninh và Bình Phước. Đây là hiện tượng hiếm thấy trong các ngôn ngữ khác thuộc nhóm Nam Bahnar. Sự chuyển đổi nhất loạt /r/ > /g/ trong âm đầu và /r/ > âm vị zero hoặc /w/, /j/ ở âm cuối cần được tiếp tục khảo sát kỹ lưỡng hơn. Việc rụng âm cuối /r/ rất có thể liên quan đến việc hình thành thanh điệu ở tiếng Tà Mun trong tương lai.

(3) So sánh vốn từ cơ bản trong bảng 281 từ của Morris Swadesh, chúng tôi thấy tiếng Tà Mun và tiếng Chrau giống nhau gần 70%. Có rất nhiều từ mà tiếng Chrau chỉ giống tiếng Tà Mun và khác với các ngôn ngữ còn lại trong nhóm. Điều này cho thấy tiếng Tà Mun đã có quá trình tiếp xúc lâu dài với tiếng Chrau, đúng như lời kể của nhiều đồng bào Tà Mun tại Tây Ninh.

(4) Hầu như không có khác biệt lớn nào trên bình diện ngữ âm giữa tiếng Tà Mun được nói tại Tây Ninh và tiếng Tà Mun được nói tại Bình Phước vì nhóm Tà Mun tại Tây Ninh vốn trước đây sinh sống tại ấp Sóc 5, huyện Hớn Quản và hiện nay hai nhóm này vẫn thường xuyên lui tới, thăm viếng nhau do có mối quan hệ họ hàng.

(5) Về mặt ý thức, hầu như những người Tà Mun tại Tây Ninh và Bình Phước mà chúng tôi gặp đều khẳng định tộc người Tà Mun khác với tộc người Chrau và Stiêng về hình thể lẫn văn hoá, phong tục tập

¹² Lorraine Haupers - Ralph Haupers, *Stieng – English Dictionary*, SIL., Manila, 1991, trang vi, vii.

¹³ Henry F. Blood (Sđd), trang 20.

quán, nhà cửa, trang phục, âm nhạc dân gian, hoa văn,... Riêng ngôn ngữ, do sống xen cư với người Chrau trong một thời gian dài nên hai ngôn ngữ này rất gần nhau và có thể hiểu nhau một cách dễ dàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Henry F. Blood, *A Reconstruction of Proto – Mnong*, M.A. Thesis, Indiana Univ., SIL, USA, 1974.
2. Lê Khắc Cường, “Cơ cấu ngữ âm của các ngôn ngữ Nam Bahnar”, trong *Những vấn đề Khoa học Xã hội và Nhân văn, chuyên đề: Ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2008.
3. Lorraine Haupers - Ralph Haupers, *Stieng - English Dictionary*, SIL. Manila, 1991.
4. Nguyễn Trần Quý, *Hệ thống ngữ âm tiếng Tà Mun (có so sánh với ngữ âm tiếng Châu Ro)*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, tháng 11/2014.
5. Summer Institute of Linguistics, *Ethnologue*, 17th Edition, USA., 2013.
6. Bùi Khánh Thế, “Một vài giả thuyết về các trạng thái biến đổi ngôn ngữ ở khu vực Đông Dương (vấn đề và triển vọng)”, trong *Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1986.
7. David D. Thomas, *Chrau Grammar*, trong *Oceanic Linguistics Special Publication No. 7*, Univ. of Hawaii Press, USA, 1971.
8. Tạ Văn Thông, “Mối quan hệ giữa tiếng Koho và tiếng Mạ”, trong *Những vấn đề ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.
9. Đinh Lê Thư, “Về vấn đề biến thể phương ngữ tiếng Mnông”, *Ngôn ngữ*, số 4, tr.8-11, 1985.

(Bài đã đăng trên Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ, ĐHQG TPHCM, số 16/X3/2013. Điều chỉnh, bổ sung tháng 1/2015)